

Số: 235/QĐ-ĐHVH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Khen thưởng **Gương điển hình sinh viên trong học tập và phong trào**  
**năm học 2013 - 2014**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Biên bản họp bình chọn **Gương điển hình sinh viên trong học tập và hoạt động phong trào năm học 2013 – 2014**, ngày 16/4/2015 của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Tặng Giấy khen cho **26** cá nhân đạt **Gương điển hình trong học tập và hoạt động phong trào năm học 2013 – 2014** (danh sách đính kèm), gồm có:

- **Gương điển hình “Sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học”:** **02** sinh viên
- **Gương điển hình “Sinh viên tiên tiến”:** **17** sinh viên
- **Gương điển hình “Cán bộ Đoàn – Hội học tập tốt, công tác giỏi”:** **15** sinh viên

**Điều 2:** Kèm theo Giấy khen, thưởng cho các cá nhân thuộc **Gương điển hình “Sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học”:** 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng); **Gương điển hình “Sinh viên tiên tiến”:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); **Gương điển hình “Cán bộ Đoàn – Hội học tập tốt, công tác giỏi”:** 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Tổng số tiền thưởng là: 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)

**Điều 3:** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Giám đốc Kế hoạch – Tài chính và sinh viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP. HĐQT, BGH (để b/c);
- Các thành viên HĐ Thi đua KT-KL; (để biết);
- Các đơn vị trong trường (để biết);
- P. TC-HC (Đăng Website);
- Lưu: VT, CTSV.



PGS. TS. Trần Văn Thiện

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG GƯƠNG ĐIỂN HÌNH SINH VIÊN  
TRONG HỌC TẬP VÀ HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO NĂM HỌC 2013 - 2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 235/QĐ-ĐHVH ngày 23 tháng 4 năm 2015)

| STT                                                                                            | Họ & Tên                | MSSV       | Khoa       | Điểm TB | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|------------|---------|---------|
| <b>1 - Gương điển hình "Sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập và Nghiên cứu khoa học"</b> |                         |            |            |         |         |
| 1                                                                                              | Nguyễn Việt Anh         | 131A080007 | Du lịch    | 3.2     |         |
| 2                                                                                              | Nguyễn Thị Kiều Linh    | 131A090030 | KHXXH & NV | 3.2     |         |
| <b>2 - Gương điển hình "Sinh viên tiên tiến"</b>                                               |                         |            |            |         |         |
| 1                                                                                              | Nguyễn Việt Anh         | 131A080007 | Du lịch    | 3.2     |         |
| 2                                                                                              | Đỗ Thiên Hương          | 1194010012 | QTKD       | 7.2     |         |
| 3                                                                                              | Nguyễn Xuân Trường      | 1194020053 | Du lịch    | 7.3     |         |
| 4                                                                                              | Võ Trà Mi               | 131A080030 | Du lịch    | 2.7     |         |
| 5                                                                                              | Phạm Nguyễn Bạch Huệ    | 1194010113 | QTKD       | 7.4     |         |
| 6                                                                                              | Trần Thanh Chiến        | 1194010001 | QTKD       | 7.3     |         |
| 7                                                                                              | Ngô Tiểu Phụng          | 131A030114 | QTKD       | 2.6     |         |
| 8                                                                                              | Võ Công Anh             | 131A010037 | KT - CN    | 3.2     |         |
| 9                                                                                              | Lê Việt Hòa             | 131A010007 | KT - CN    | 3.3     |         |
| 10                                                                                             | Phạm Thị Kim Ngân       | 131A110008 | KHXXH & NV | 2.9     |         |
| 11                                                                                             | Trần Minh Dự            | 131A110041 | KHXXH & NV | 3.2     |         |
| 12                                                                                             | Nguyễn Trường Giang     | 131A080004 | Du lịch    | 2.9     |         |
| 13                                                                                             | Lê Thiện Vũ             | 1194010126 | QTKD       | 7.8     |         |
| 14                                                                                             | Nguyễn Nhật Vương       | 1194010012 | QTKD       | 7.3     |         |
| 15                                                                                             | Nguyễn Phương Quỳnh Như | 131A010046 | KT - CN    | 2.6     |         |
| 16                                                                                             | Trần Thị Kim Nguyệt     | 131A010044 | KT - CN    | 3.2     |         |
| 17                                                                                             | Huỳnh Nhật Tuấn         | 132A530002 | KT - CN    | 3.2     |         |
| <b>3 - Gương điển hình "Cán bộ Đoàn - Hội học tập tốt, công tác giỏi"</b>                      |                         |            |            |         |         |
| 1                                                                                              | Nguyễn Việt Anh         | 131A080007 | Du lịch    | 3.2     |         |
| 2                                                                                              | Đỗ Thiên Hương          | 1194010012 | QTKD       | 7.2     |         |
| 3                                                                                              | Nguyễn Xuân Trường      | 1194020053 | Du lịch    | 7.3     |         |
| 4                                                                                              | Võ Trà Mi               | 131A080030 | Du lịch    | 2.7     |         |
| 5                                                                                              | Phạm Nguyễn Bạch Huệ    | 1194010113 | QTKD       | 7.4     |         |
| 6                                                                                              | Trần Thanh Chiến        | 1194010001 | QTKD       | 7.3     |         |
| 7                                                                                              | Ngô Tiểu Phụng          | 131A030114 | QTKD       | 2.6     |         |
| 8                                                                                              | Nguyễn Hào Trình        | 131A070101 | Du lịch    | 3.1     |         |
| 9                                                                                              | Nguyễn Thị Mỹ Yên       | 131A140180 | NN & VHNN  | 2.7     |         |
| 10                                                                                             | Lương Anh Việt          | 131A020024 | KT - CN    | 3.2     |         |
| 11                                                                                             | Trương Văn Phi          | 131A020023 | KT - CN    | 3.2     |         |
| 12                                                                                             | Nguyễn Thanh Danh       | 131A030021 | QTKD       | 2.8     |         |
| 13                                                                                             | Lê Thị Ngọc Diệp        | 131A030172 | QTKD       | 2.6     |         |
| 14                                                                                             | Đào Thị Hoàng Yên       | 1194010088 | QTKD       | 7.1     |         |
| 15                                                                                             | Nguyễn Thị Thanh Hằng   | 131A060029 | QTKD       | 2.7     |         |



PGS.TS. TRẦN VĂN THIÊN